



diàn shì

电视

Noun · TV

Example Sentences

zhè shì diàn shì

这是电视。

This is a television.

qǐng bǎ diàn shì shēng yīn guān xiǎo yì diǎn

请把电视声音关小一点。

Please turn down the TV volume a little.

zhè tái diàn shì de píng mù hěn dà

这台电视的屏幕很大。

The screen of this TV is very big.

Trace each character, then write the word on your own.

电	电	电	电	电	电	电	电				
视	视	视	视	视	视	视	视	视	视	视	视